

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY
QUỐC TẾ CAM RANH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tháng 02 năm 2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 07 đến trang 39 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hoài Chang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Trương Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/10/2015
Ông Đồng Lương Sơn	Thành viên	
Ông Lý Lâm Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/02/2016
Ông Dương Đức Tính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/02/2016
Ông Khổng Minh Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/02/2016
Ông Lê Văn Lân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/02/2016

Ban Kiểm soát

Ông Khổng Minh Dũng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lê Hằng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Minh Hoàng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/06/2016
	Quyền Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/08/2016
Ông Lê Văn Lân	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2016
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/02/2016

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Đỗ Hữu Ánh Liên.

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty con: là đơn vị mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty này. Các đơn vị này hoạt động theo luật Doanh nghiệp thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ và tự chịu trách nhiệm hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Công ty con của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 là Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không - Tỷ lệ sở hữu vốn và biểu quyết là 75%.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty và Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 30/12/2015 đến ngày 31/12/2016 của Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY ACA).

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Vũ Hoài Chang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền


Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2017



Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.731.726.266	58.704.400.579
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	61.654.606.340	36.108.770.705
Tiền	111		51.654.606.340	4.917.900.108
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	31.190.870.597
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.532.764.408	4.144.808.794
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	6.891.450.598	3.975.558.779
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.091.181.809	20.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	550.132.001	149.250.015
Hàng tồn kho	140	9	49.046.254.240	17.898.512.496
Hàng tồn kho	141		49.046.254.240	17.898.512.496
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.498.101.278	552.308.584
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	2.219.445.865	224.789.514
Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.278.655.413	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	-	327.519.070
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123.551.919.209	5.690.555.286
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.800.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		1.800.000	-
Tài sản cố định	220		85.534.986.391	5.596.555.887
Tài sản cố định hữu hình	221	11	84.635.343.099	5.542.655.887
- Nguyên giá	222		92.974.217.877	9.379.189.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.338.874.778)	(3.836.533.314)
Tài sản cố định vô hình	227	12	899.643.292	53.900.000
- Nguyên giá	228		1.101.400.000	176.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(201.756.708)	(122.500.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	20.092.989.464	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.092.989.464	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.922.143.354	93.999.399
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	17.922.143.354	93.999.399
TỔNG TÀI SẢN	270		253.283.645.475	64.394.955.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		140.517.476.599	37.828.482.415
Nợ ngắn hạn	310		92.667.162.680	37.724.482.415
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	78.787.051.101	30.040.956.281
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.081.840	7.081.840
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	790.778.775	2.075.315.937
Phải trả người lao động	314		9.567.410.529	3.513.992.129
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.855.212.039	273.419.726
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	858.618.165	725.899.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		801.010.231	1.087.816.702
Nợ dài hạn	330		47.850.313.919	104.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	17	48.000.000	104.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	46.931.659.604	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		870.654.315	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.766.168.876	26.566.473.450
Vốn chủ sở hữu	410	19	112.766.168.876	26.566.473.450
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.855.010.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		416.894.111	416.894.111
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.014.339.728	2.278.710.697
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.931.015.562	13.775.868.642
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		10.892.110.580	63.288.031
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		15.038.904.982	13.712.580.611
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		15.548.909.475	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		253.283.645.475	64.394.955.865

Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Trương Minh Hoàng

Vũ Hoài Chang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	274.626.211.538	133.174.994.713
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		673.962.845	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		273.952.248.693	133.174.994.713
Giá vốn hàng bán	11	21	208.602.123.685	100.474.081.944
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		65.350.125.008	32.700.912.769
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	711.198.195	785.683.394
Chi phí tài chính	22	23	3.107.897.438	887.530.458
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.814.918.172	-
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	13.015.448.738	11.075.680.584
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.116.732.728	8.059.792.382
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.821.244.299	13.463.592.739
Thu nhập khác	31	25	4.061.338	5.373.096.751
Chi phí khác	32	26	10.302.862	-
Lợi nhuận khác	40		(6.241.524)	5.373.096.751
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.815.002.775	18.836.689.490
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	6.356.534.003	4.124.108.879
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	870.654.315	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.587.814.457	14.712.580.611
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		24.038.904.982	14.712.580.611
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.451.090.525)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	7.930	13.977
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	7.930	13.977

Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu



Đỗ Hữu Ánh Liên

Kế toán trưởng



Đỗ Hữu Ánh Liên

Giám đốc



Trương Minh Hoàng

Chủ tịch HĐQT




Vũ Hoài Chang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		277.390.579.940	144.286.422.456
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(204.404.737.230)	(87.059.149.132)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.250.174.717)	(22.573.940.528)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.961.698.787)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(7.650.599.128)	(3.784.739.439)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.838.338	290.038.717
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.023.492.716)	(8.044.119.684)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.103.715.700	23.114.512.390
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(110.289.378.883)	(1.109.800.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		667.394.834	648.918.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109.621.984.049)	(460.881.981)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		74.760.010.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		49.665.939.774	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.734.280.170)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.713.870.900)	(5.438.135.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		111.977.798.704	(5.438.135.690)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		25.459.530.355	17.215.494.719
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	36.108.770.705	18.802.571.618
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		86.305.280	90.704.368
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	61.654.606.340	36.108.770.705

Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2017



Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Chủ tịch HĐQT




Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

Trương Minh Hoàng

Vũ Hoài Chang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 28/12/2016.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 11 là: 60.000.000.000 đồng.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Dịch vụ và Thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyến bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Gia công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa miễn thuế

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là các hoạt động cung cấp dịch vụ xe bus, vệ sinh và buôn bán hàng hóa, đồ ăn, thức uống tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty quay vòng thường xuyên và liên tục trong năm.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ xe bus, buôn bán hàng hóa, dịch vụ ăn uống tại Sân bay Quốc tế Cam Ranh. Trên thị trường có một số doanh nghiệp cũng hoạt động trong những lĩnh vực này nên việc cạnh tranh cũng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên ngày 30 tháng 03 năm 2015, trong năm 2016 Công ty đã thu hẹp hoạt động kinh doanh taxi và tập trung phát triển kinh doanh xe buýt.

Trong năm 2016, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 60.000.000.000 đồng để thực hiện các dự án đầu tư tại Cảng hàng không Quốc Tế Cam Ranh (xem thêm tại thuyết minh số 19.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH Dịch vụ Mặt Đất Hàng Không

- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

- Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty: 75%

Công ty TNHH Dịch vụ Mặt Đất Hàng Không được thành lập từ ngày 30/12/2015 nên kỳ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 30/12/2015 đến ngày 31/12/2016. Công ty TNHH Dịch vụ Mặt Đất Hàng Không chính thức đi vào hoạt động ngày 01/07/2016.

Công ty không có công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đây là năm kế toán đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Năm kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sân Bay Quốc Tế Cam Ranh và Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng Không.

Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất là Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 30/12/2015 đến ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.4 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải truyền dẫn (*)	08 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

() Trong năm 2016, Công ty không còn trích khấu hao nhanh tài sản cố định là phương tiện vận tải truyền dẫn. Việc thay đổi ước tính kế toán này dẫn đến chi phí khấu hao năm 2016 giảm đi 336.315.558 đồng.*

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe và chi phí sửa chữa căn tin, nhà kho, phòng kế toán... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.8 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.10 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Dịch vụ xe bus, Dịch vụ nhà hàng, Dịch vụ phòng VIP, phòng C, Dịch vụ vệ sinh, Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ, Bán hàng miễn thuế, Liên doanh Autogrill và Dịch vụ phục vụ mặt đất. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

5.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

5.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.13 BÊN LIÊN QUAN

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Yasaka - Sài Gòn - Nha Trang, Công ty CP Dịch Vụ Sân Bay, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	3.956.892.823	44.420.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.697.713.517	4.873.479.408
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	31.190.870.597
Cộng	61.654.606.340	36.108.770.705

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.891.450.598	3.975.558.779
- Công ty Cổ phần Sun Taxi	-	2.500.000.000
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam -CTCP	5.502.851.209	806.732.250
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP - Vietnam Airlines khu vực miền Trung	535.126.000	547.863.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	853.473.389	120.963.529
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	550.132.001	-	149.250.015	-
- Ký cược, ký quỹ	72.000.000	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	328.016.500	-	142.956.875	-
+ <i>Lãi dự thu các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	33.825.000	-	136.765.375	-
+ <i>Tạm ứng thù lao HĐQT, BKS năm 2016</i>	288.000.000	-	-	-
+ <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	6.191.500	-	6.191.500	-
- Tạm ứng	148.615.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	1.500.501	-	6.293.140	-
Dài hạn	1.800.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	1.800.000	-	-	-
Cộng	551.932.001	-	149.250.015	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	448.883.277	-	99.090.781	-
Công cụ, dụng cụ	202.356.635	-	55.801.345	-
Hàng hóa	48.395.014.328	-	17.743.620.370	-
Cộng	49.046.254.240	-	17.898.512.496	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANHSân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	50.734.281	858.273.252	909.007.533	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.024.581.656	6.356.534.003	7.650.599.128	730.516.531
- Thuế thu nhập cá nhân	-	173.894.849	113.632.605	60.262.244
- Các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Cộng	2.075.315.937	7.393.202.104	8.677.739.266	790.778.775
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	327.519.070	759.156.450	431.637.380	-
Cộng	327.519.070	759.156.450	431.637.380	-

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cưa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH		Cộng VND
					khác VND		
NGUYÊN GIÁ							
Tại 01/01/2016	2.168.567.049	614.868.515	6.399.212.727	196.540.910	-	-	9.379.189.201
- Mua trong năm	279.989.688	59.144.424.582	21.980.735.020	2.490.790.726	90.601.720		83.986.541.736
- Giảm khác	-	(391.513.060)	-	-	-		(391.513.060)
Tại 31/12/2016	2.448.556.737	59.367.780.037	28.379.947.747	2.687.331.636	90.601.720		92.974.217.877
HAO MÓN LŨY KẾ							
Tại 01/01/2016	636.990.850	570.718.848	2.434.681.694	194.141.922	-	-	3.836.533.314
- Khấu hao trong năm	319.898.447	2.214.111.159	2.187.839.760	166.090.879	5.914.279		4.893.854.524
- Giảm khác	-	(391.513.060)	-	-	-		(391.513.060)
Tại 31/12/2016	956.889.297	2.393.316.947	4.622.521.454	360.232.801	5.914.279		8.338.874.778
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2016	1.531.576.199	44.149.667	3.964.531.033	2.398.988	-	-	5.542.655.887
Tại 31/12/2016	1.491.667.440	56.974.463.090	23.757.426.293	2.327.098.835	84.687.441		84.635.343.099

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 59.498.059.935 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 853.366.496 đồng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Tài sản vô hình tại Công ty CP DV Sân bay Quốc tế Cam Ranh là phần mềm kế toán, quản lý bán hàng BRAVO, đồng bộ dữ liệu và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm. Công ty con - Công ty TNHH DV Mật đất Hàng không là phần mềm kế toán Bravo, phần mềm quản lý lịch bay và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH
Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	20.092.989.464	20.092.989.464	-	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	20.092.989.464	20.092.989.464	-	-
+ Căn tin nội bộ và nhà điều hành xe bus tại Sân bay Cam Ranh	8.522.461.300	8.522.461.300	-	-
+ Lắp đặt hệ thống Phòng cháy chữa cháy Công trình: Cải tạo căn tin & Văn phòng điều hành xe bus	114.643.410	114.643.410	-	-
+ Vật tư điện nước cho 2 phòng C quốc nội và quốc tế	58.706.100	58.706.100	-	-
+ Tư vấn thiết kế dự án: Nhà ga hàng hóa & khu xử lý hàng hóa bưu kiện (Lập dự án đầu tư xây dựng)	130.000.000	130.000.000	-	-
+ Thi công lắp đặt hệ thống điện nguồn	202.525.600	202.525.600	-	-
+ Tư vấn thiết kế, thi công phòng Giám đốc, quầy bar, căn tin	1.106.718.154	1.106.718.154	-	-
+ Trang trí bảng hiệu Công ty	330.174.900	330.174.900	-	-
+ Mua mới 04 xe đầu kéo TOYOTA TD25	5.295.360.000	5.295.360.000	-	-
+ Mua mới xe nâng hàng TXL-737	4.332.400.000	4.332.400.000	-	-
Cộng	20.092.989.464	20.092.989.464	20.092.989.464	20.092.989.464

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.219.445.865	224.789.514
- Chi phí mua bảo hiểm	376.512.933	36.702.195
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.518.099.981	188.087.319
- Chi phí bảo hộ lao động	316.432.951	-
- Các khoản khác	8.400.000	-
Dài hạn	17.922.143.354	93.999.399
- Chi phí đào tạo phân bổ	8.554.220.880	-
- Chi phí trước hoạt động	4.956.433.099	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.465.875.178	9.119.090
- Chi phí sửa chữa căng tin, nhà kho, nhà xưởng	875.480.435	84.880.309
- Chi phí vận chuyển bốc dỡ thuê ngoài	460.529.555	-
- Chi phí sửa chữa, trang trí phòng thương gia	609.604.207	-
Cộng	20.141.589.219	318.788.913

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SAN BAY QUỐC TẾ CAM RANHSân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHAI**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	78.787.051.101	78.787.051.101	30.040.956.281	30.040.956.281
- IPP GROUP (S) PTE.LTD	60.078.273.560	60.078.273.560	26.064.685.219	26.064.685.219
- Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Tổng Công ty Cảng Hàng không VN	4.598.092.817	4.598.092.817	1.303.929.683	1.303.929.683
- Công ty CP Cung cấp Thiết bị và Dịch vụ bảo dưỡng hàng không	7.486.761.285	7.486.761.285	-	-
- Công Ty TNHH MTV DV mặt đất sân bay Việt Nam	2.747.786.186	2.747.786.186	-	-
- Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	745.624.836	745.624.836	225.852.095	225.852.095
- Nguyễn Tấn Quảng	487.678.119	487.678.119	465.557.883	465.557.883
- Phải trả người bán khác	2.642.834.298	2.642.834.298	1.980.931.401	1.980.931.401
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.855.212.039	1.855.212.039	273.419.726	273.419.726
- Trích trước chi phí điện thoại, internet	13.571.885	13.571.885	48.398.027	48.398.027
- Chi phí đào tạo kiến thức chuyên môn	1.763.630.542	1.763.630.542	-	-
- Trích trước chi phí quản lý điều hành	-	-	225.021.699	225.021.699
- Chi phí lãi vay	51.494.460	51.494.460	-	-
- Các khoản trích trước khác	26.515.152	26.515.152	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.855.212.039	1.855.212.039	273.419.726	273.419.726



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	858.618.165	858.618.165	725.899.800	725.899.800
- Kinh phí công đoàn	240.591.522	240.591.522	87.196.297	87.196.297
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	606.026.643	606.026.643	626.703.503	626.703.503
+ <i>Có tức phải trả</i>	366.910.900	366.910.900	77.148.550	77.148.550
+ <i>Phải trả khác</i>	239.115.743	239.115.743	549.554.953	549.554.953
Dài hạn	48.000.000	48.000.000	104.000.000	104.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	48.000.000	48.000.000	104.000.000	104.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	906.618.165	906.618.165	829.899.800	829.899.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016		Trong năm		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ (VND)	VND	VND	VND	trả nợ (VND)
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (*)	-	-	2.734.280.170	2.734.280.170	-	-
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (**)	46.931.659.604	46.931.659.604	46.931.659.604	-	-	-
Cộng	46.931.659.604	46.931.659.604	49.665.939.774	2.734.280.170	-	-

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 81241.16.002.2612134.TD ngày 31/10/2016 với tổng số tiền là 4.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời gian cấp hạn mức đến hết ngày 31/10/2017. Thời gian mỗi khoản vay không quá 3 tháng. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo danh sách trong phụ lục kèm theo hợp đồng với tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính là 80%.

(**) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng trung, dài hạn số 11667.16.002.2612134.TD ngày 05/04/2016 với tổng số tiền là 58.000.000.000 đồng. Mục đích vay là tài trợ dự án đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở vật chất cho dịch vụ mặt đất giai đoạn 1 tại Sân bay Cam Ranh. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời gian rút vốn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2016. Lãi suất cho vay trong năm đầu tiên, kể từ ngày giải ngân đầu tiên có định 7,9%/năm, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư loại 12 tháng VND của Ngân hàng được công bố và biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo vay đối với hợp đồng tín dụng trên là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án là Máy móc, thiết bị phục vụ dịch vụ mặt đất với tỷ lệ tài trợ/tài sản đảm bảo là 70%.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANHSân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	2.423.809.454	4.588.016.275	-	17.523.719.840	-	-	-	-	-	-	14.712.580.611
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.712.580.611	-	-	-	-	-	-	-	-	14.712.580.611
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	359.861.546	(359.861.546)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(504.960.303)	(587.142.523)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.092.102.826)
- Thường ban điều hành	-	-	-	-	(800.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(800.000.000)
- Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(3.400.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.400.000.000)
- Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)
- Chuyển cổ tức phải trả cổ đông sang LN chưa phân phối	-	-	-	-	640.663.912	-	-	-	640.663.912	-	-	-	-	640.663.912
- Giám khác	-	-	-	-	(18.388.087)	-	-	-	(18.388.087)	-	-	-	-	(18.388.087)
Tại 31/12/2015	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	2.278.710.697	13.775.868.642	-	26.566.473.450	-	-	-	-	-	-	26.566.473.450
Tại 01/01/2016	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	2.278.710.697	13.775.868.642	-	26.566.473.450	-	-	-	-	-	-	26.566.473.450
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.038.904.982	-	-	-	-	(1.451.090.525)	-	-	-	22.587.814.457
- Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	7.760.010.000	-	-	-	-	-	-	-	17.000.000.000	-	-	-	74.760.010.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	735.629.031	(735.629.031)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(735.629.031)	-	-	-	-	-	-	-	-	(735.629.031)
- Thường ban điều hành (*)	-	-	-	-	(412.500.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(412.500.000)
- Chia cổ tức năm 2015 (*)	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	(9.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)
Tại 31/12/2016	60.000.000.000	7.855.010.000	416.894.111	3.014.339.728	25.931.015.562	-	112.766.168.876	-	-	15.548.909.475	-	-	-	112.766.168.876

(*): Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty số 33/NQ-ĐHCD/CRACS ngày 19/02/2016.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Sân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,

Cho năm tài chính

Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND
Công ty CP Dịch Vụ Sân Bay	15,70	9.421.290.000	-	-
Công ty CP Yasaka Sài Gòn-Nha Trang	1,67	1.000.000.000	10,00	1.000.000.000
Công ty CP TM DV Kỹ thuật Nội Bài	37,11	22.265.640.000	-	-
Công ty TNHH DV Sân bay Sài Gòn	17,50	10.500.000.000	-	-
Ông Vũ Hoài Chang	-	-	57,50	5.750.000.000
Ông Trương Minh Hoàng	2,33	1.400.000.000	1,45	144.710.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25,69	15.413.070.000	31,05	3.105.290.000
Cộng	100	60.000.000.000	100	10.000.000.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	50.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(10.000.000.000)	(4.400.000.000)

(*) Công ty tăng vốn căn cứ theo Quyết định số 14/QĐ-HĐQT/CRACS ngày 28/01/2016 từ 10.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng bằng hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng và Quyết định số 91/QĐ-HĐQT/CIAS ngày 27/12/2016 từ 30.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng bằng hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu của Hội Đồng Quản Trị Công ty.

19.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	1.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.014.339.728	2.278.710.697

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu	274.626.211.538	133.174.994.713
- Doanh thu dịch vụ taxi	-	11.713.403.178
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	17.074.430.683	14.701.342.918
- Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	18.878.356.853	21.473.872.720
- Doanh thu dịch vụ phòng VIP, C	8.180.917.993	7.071.570.219
- Doanh thu dịch vụ xe bus	5.695.804.520	3.984.133.183
- Doanh thu hàng miễn thuế	182.416.483.490	68.017.534.837
- Doanh thu dịch vụ vệ sinh	2.308.454.541	1.886.818.178
- Liên doanh bán hàng với Autogrill	8.916.383.580	3.785.194.543
- Doanh thu xưởng cơ khí, cho thuê mặt bằng	150.009.092	-
- Doanh thu bán hàng xuất khẩu	-	541.124.937
- Doanh thu phục vụ mặt đất	30.993.698.059	-
- Doanh thu khác	11.672.727	-
Doanh thu với các bên liên quan	-	-

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	-	11.857.561.331
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	14.347.776.722	12.906.472.955
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	9.890.677.881	11.652.535.362
Giá vốn dịch vụ phòng VIP, C	4.832.133.670	3.890.072.938
Giá vốn dịch vụ xe bus	5.814.470.923	3.743.047.128
Giá vốn hàng miễn thuế	136.615.151.244	50.893.874.270
Giá vốn dịch vụ vệ sinh	3.342.839.365	1.970.129.150
Giá vốn bán hàng với Autogrill	7.631.528.075	3.455.356.810
Giá vốn xưởng cơ khí, cho thuê mặt bằng	267.863.910	-
Giá vốn phục vụ mặt đất	25.859.681.895	-
Giá vốn xuất khẩu	-	105.032.000
Cộng	208.602.123.685	100.474.081.944

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	564.454.459	785.536.334
Lãi chênh lệch tỷ giá	145.909.436	147.060
Lãi do đánh giá lại CLTG cuối năm	834.300	-
Cộng	711.198.195	785.683.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1.814.918.172	-
Lỗ do đánh giá lại CLTG cuối năm	1.292.979.266	887.530.458
Cộng	3.107.897.438	887.530.458

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	20.116.732.728	8.059.792.382
- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp	11.426.975.524	5.811.495.007
- Chi phí đồ dùng văn phòng	786.719.431	175.313.669
- Chi phí khấu hao TSCĐ	377.351.316	25.834.407
- Thuế, phí và lệ phí	2.163.891.261	696.662.759
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.419.098.220	135.584.768
- Chi phí bằng tiền khác	3.942.696.976	1.214.901.772
Các khoản chi phí bán hàng	13.015.448.738	11.075.680.584
- Chi phí nhân viên	11.970.412.260	6.174.862.419
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	237.863.075	265.031.811
- Chi phí khấu hao TSCĐ	56.955.557	58.800.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	750.217.846	4.292.705.354
- Chi phí bằng tiền khác	-	284.281.000
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng	450.000	3.110.000
Thu nhập từ việc góp vốn bằng tài sản	-	5.353.965.070
Các khoản khác	3.611.338	16.021.681
Cộng	4.061.338	5.373.096.751

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	9.872.525	-
Các khoản khác	430.337	-
Cộng	10.302.862	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	162.946.605.836	74.800.440.596
Chi phí nhân công	46.825.234.104	24.456.369.705
Khấu hao tài sản cố định	4.382.977.472	4.356.119.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.301.412.655	11.087.588.007
Chi phí bằng tiền khác	5.278.075.084	1.499.182.772
Cộng	241.734.305.151	116.199.700.429

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.815.002.775	18.836.689.490
Các khoản điều chỉnh tăng	1.967.667.242	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá tiền, phải thu năm nay	425.836.675	-
- Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	90.740.042	-
- Lỗi phát sinh do hợp nhất	1.451.090.525	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(90.740.042)
- Lãi do đánh giá lại CLTG tiền gửi, phải thu năm trước	-	(90.740.042)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	31.782.670.017	18.745.949.448
Thuế suất	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.356.534.003	4.124.108.879
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.356.534.003	4.124.108.879

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	870.654.315	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	870.654.315	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.038.904.982	14.712.580.611
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.201.945.249)	(735.629.031)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.879.781	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	7.930	13.977

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được ước tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế trong năm.

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.038.904.982	14.712.580.611
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.201.945.249)	(735.629.031)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.879.781	1.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	7.930	13.977

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được ước tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế trong năm.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 5.13

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Tại 31/12/2016	Giá trị ghi sổ Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.654.606.340	36.108.770.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.293.267.098	3.981.851.919
Cộng	68.947.873.438	40.090.622.624
	-----	-----
	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	46.931.659.604	-
Phải trả người bán và phải trả khác	79.086.166.844	30.156.956.281
Chi phí phải trả	1.855.212.039	273.419.726
Cộng	127.873.038.487	30.430.376.007
	-----	-----

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Vay và nợ ngắn hạn	-	46.931.659.604	-	46.931.659.604
Phải trả người bán và phải trả khác	79.038.166.844	48.000.000	-	79.086.166.844
Chi phí phải trả	1.855.212.039	-	-	1.855.212.039
Cộng	80.893.378.883	46.979.659.604	-	127.873.038.487
Tại 01/01/2016				
Phải trả người bán và phải trả khác	30.052.956.281	104.000.000	-	30.156.956.281
Chi phí phải trả	273.419.726	-	-	273.419.726
Cộng	30.326.376.007	104.000.000	-	30.430.376.007

Hội đồng quản trị đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.654.606.340	-	-	61.654.606.340
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.291.467.098	1.800.000	-	7.293.267.098
Cộng	68.946.073.438	1.800.000	-	68.947.873.438
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.108.770.705	-	-	36.108.770.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.981.851.919	-	-	3.981.851.919
Cộng	40.090.622.624	-	-	40.090.622.624

CÔNG TY CP DỊCH VỤ SÂN BAY QUỐC TẾ CAM RANHSân bay Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa,
Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa**BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2016	Dịch vụ nhà hàng	Bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Dịch vụ phòng VIP,C	Dịch vụ xe bus	Doanh thu hàng miễn thuế	Doanh thu vệ sinh	Liên doanh với Autogrill	Doanh thu bán xăng cơ khí, cho thuê mặt bằng	Doanh thu phục vụ mặt đất	Doanh thu khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.074.430.683	18.878.356.853	8.180.917.993	5.695.804.520	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	150.009.092	30.993.698.059	11.672.727	274.626.211.538
Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-	(673.962.845)	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.074.430.683	18.878.356.853	8.180.917.993	5.695.804.520	182.416.483.490	2.308.454.541	8.916.383.580	150.009.092	30.319.735.214	11.672.727	273.952.248.693
Giá vốn bộ phận	(14.347.776.722)	(9.890.677.881)	(4.832.133.670)	(5.814.470.923)	(136.615.151.244)	(3.342.839.365)	(7.631.528.075)	(267.863.910)	(25.859.681.895)	-	(208.602.123.685)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.726.653.961	8.987.678.972	3.348.784.323	(118.666.403)	45.801.332.246	(1.034.384.824)	1.284.855.505	(117.854.818)	4.460.053.319	11.672.727	65.350.125.008
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(33.132.181.466)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32.217.943.542
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	711.198.195
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.107.897.438)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.061.338
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.302.862)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.356.534.003)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(870.654.315)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.587.814.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

34.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc	1.342.856.200	973.410.400
Thù lao của HĐQT, BKS (*)	288.000.000	55.200.000
Tổng thu nhập Ban Giám đốc	1.054.856.200	918.210.400

(*) Thù lao của HĐQT, BKS là số đã tạm ứng trong năm, giá trị này sẽ trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét.

34.5 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Đỗ Hữu Ánh Liên

Kế toán trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực... 0178... Slogan số... SGT/HS

Ngày 22-02-2017

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG LỘC THỌ

Giám đốc

Trương Minh Hoàng

Chủ tịch HĐQT

Vũ Hoài Chang

Đỗ Hữu Ánh Liên

Đỗ Hữu Ánh Liên

